

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 25/2022/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 06 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 05 năm (2020-2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 219/TTr-STNMT ngày 09/6/2022; ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 123/HĐND-KTNS ngày 01/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 05 năm (2020-2024), như sau:

1. Bổ sung giá đất ở của các đường, các trục đường thuộc các khu dân cư trên địa bàn thành phố Tuy Hòa vào Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 05 năm (2020-2024) ban hành kèm theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên, cụ thể như sau:

a) Bổ sung vào Khoản 03 Phần A Mục I của Phụ lục 1 - Giá đất ở tại đô thị 05 năm (2020-2024):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
A	Các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (Đô thị loại II)				
03	Đường An Dương Vương				
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Độc Lập	12.000			

b) Bổ sung vào điểm 3.6 Khoản 3 Phần A Mục I của Phụ lục c 2 - Giá đất ở tại nông thôn 05 năm (2020-2024):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
A	Vùng đồng bằng (4 xã)				
3	Xã Bình Kiến (Xã đồng bằng)				
3.6	Đường Lý Nam Đế				
-	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Huyền đến đường Độc Lập	9.000			

c) Bổ sung vào điểm 3.9 Khoản 3 Phần A Mục I của Phụ lục 2 - Giá đất ở tại nông thôn 05 năm (2020-2024):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
A	Vùng đồng bằng (4 xã)				
3	Xã Bình Kiến (Xã đồng bằng)				
3.9	Đường Trần Nhân Tông				
-	Đoạn từ đường quy hoạch số 02 rộng 16m của Khu dân cư phía Đông đường Hùng vương (đoạn từ đường N7B đến đường Trần Nhân Tông) đến đường Độc Lập	9.000			

d) Bổ sung Khoản 125 vào Phần A Mục I của Phụ lục 1 - Giá đất ở tại đô thị 05 năm (2020-2024):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
A	Các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (Đô thị loại II)				
125	Khu dân cư của dự án Hồ điều hòa Hồ Sơn và hạ tầng xung quanh				
-	Đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m): Đoạn từ	16.000			

	đường Quy hoạch số 04 (rộng 16m) đến đường Quy hoạch rộng 20m				
-	Đường Quy hoạch số 02 (rộng 16m): Đoạn từ đường Quy hoạch số 04 (rộng 16m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)	13.000			
-	Đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m): Đoạn từ đường Quy hoạch số 06 (rộng 20m) đến đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m)	12.000			
-	Đường Quy hoạch rộng 20m: Đoạn từ đường Quy hoạch số 06 (rộng 20m) đến đường Mậu Thân	14.000			
-	Đường Quy hoạch số 04 (rộng 16m): Đoạn từ đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)	12.000			
-	Đường Quy hoạch số 05 (rộng 16m): Đoạn từ đường Quy hoạch số 02 (rộng 16m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)	12.000			
-	Đường Quy hoạch số 06 (rộng 20m): Đoạn từ đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)	14.000			

đ) Bổ sung Khoản 126 vào Phần A Mục I của Phụ lục 1 - Giá đất ở tại đô thị 05 năm (2020-2024):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
A	Các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (Đô thị loại II)				
126	Khu đất số 5, 6				
-	Các đường quy hoạch rộng 16m: Đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Trần Hào	7.000			

e) Bổ sung điểm 3.24 vào Khoản 3 Phần A Mục I của Phụ lục 2 - Giá đất ở tại nông thôn 05 năm (2020-2024):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
A	Vùng đồng bằng (4 xã)				
3	Xã Bình Kiến (Xã đồng bằng)				
3.24	Khu đất số 4				
-	Đường quy hoạch rộng 16m (Đường quy hoạch số 2 rộng 16m): Đoạn từ đường N 7B (đường quy hoạch rộng 16m) đến đường Lý Nam Đế	7.000			
-	Đường quy hoạch rộng 16m (đường N 7B): Đoạn từ đường quy hoạch rộng 16m (Đường quy hoạch số 2 rộng 16m) đến đường Lê Duẩn	7.000			

2. Bổ sung giá đất thương mại, dịch vụ của các đường, các trục đường thuộc các khu dân cư trên địa bàn thành phố Tuy Hòa vào Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 05 năm (2020-2024) ban hành kèm theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên, cụ thể như sau:

a) Bổ sung Khoản 03 vào Phần A Mục I của Phụ lục 3 - Giá đất thương mại, dịch vụ (2020-2024):

DVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
A	Các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (Đô thị loại II)				
03	Đường An Dương Vương				
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Độc Lập	6.000			

b) Bổ sung Khoản 110 vào Phần A Mục I của Phụ lục 3 - Giá đất thương mại, dịch vụ (2020-2024):

DVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
A	Các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (Đô thị loại II)				
110	Khu dân cư của dự án Hồ điều hòa Hồ Sơn và hạ tầng xung quanh				
-	Đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m): <i>Đoạn từ đường Quy hoạch số 04 (rộng 16m) đến đường Quy hoạch rộng 20m</i>	8.000			
-	Đường Quy hoạch số 02 (rộng 16m): <i>Đoạn từ đường Quy hoạch số 04 (rộng 16m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)</i>	6.500			
-	Đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m): <i>Đoạn từ đường Quy hoạch số 06 (rộng 20m) đến đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m)</i>	6.000			
-	Đường Quy hoạch rộng 20m: <i>Đoạn từ đường Quy hoạch số 06 (rộng 20m) đến đường Mậu Thân</i>	7.000			
-	Đường Quy hoạch số 04 (rộng 16m): <i>Đoạn từ đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)</i>	6.000			
-	Đường Quy hoạch số 05 (rộng 16m): <i>Đoạn từ đường Quy hoạch số 02 (rộng 16m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)</i>	6.000			
-	Đường Quy hoạch số 06 (rộng 20m): <i>Đoạn từ đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)</i>	7.000			

c) Bổ sung Khoản 111 vào Phần A Mục I của Phụ lục 3 - Giá đất thương mại, dịch vụ (2020-2024):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
A	Các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (Đô thị loại II)				
111	Khu đất số 5, 6				
-	Các đường quy hoạch rộng 16m: Đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Trần Hòa	3.500			

3. Bổ sung giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ của các đường, các trục đường thuộc các khu dân cư trên địa bàn thành phố Tuy Hòa vào Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 05 năm (2020-2024) ban hành kèm theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Phú Yên, cụ thể như sau:

a) Bổ sung Khoản 03 vào Phần A Mục I của Phụ lục 4 - Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ 05 năm (2020-2024):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
A	Các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (Đô thị loại II)				
03	Đường An Dương Vương				
-	Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Độc Lập	4.800			

b) Bổ sung Khoản 110 vào Phần A Mục I của Phụ lục 4 - Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ 05 năm (2020-2024):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
A	Các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (Đô thị loại II)				
110	Khu dân cư của dự án Hồ điều hòa Hồ Sơn và hạ tầng xung quanh				
-	Đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m): Đoạn từ đường Quy hoạch số 04 (rộng 16m) đến đường Quy hoạch rộng 20m	6.400			
-	Đường Quy hoạch số 02 (rộng 16m): Đoạn từ đường Quy hoạch số 04 (rộng 16m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)	5.200			

-	Đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m): Đoạn từ đường Quy hoạch số 06 (rộng 20m) đến đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m)	4.800			
-	Đường Quy hoạch rộng 20m: Đoạn từ đường Quy hoạch số 06 (rộng 20m) đến đường Mậu Thân	5.600			
-	Đường Quy hoạch số 04 (rộng 16m): Đoạn từ đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)	4.800			
-	Đường Quy hoạch số 05 (rộng 16m): Đoạn từ đường Quy hoạch số 02 (rộng 16m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)	4.800			
-	Đường Quy hoạch số 06 (rộng 20m): Đoạn từ đường Quy hoạch số 01 (rộng 21m) đến đường Quy hoạch số 03 (rộng 16m)	5.600			

c) Bổ sung Khoản 111 vào Phần A Mục I của Phụ lục 4 - Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ 05 năm (2020-2024):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thành phố Tuy Hòa				
A	Các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (Đô thị loại II)				
111	Khu đất số 5, 6				
-	Các đường quy hoạch rộng 16m: Đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Trần Hòa	2.800			

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Tuy Hòa, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo